

Số: 3331 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Sắp xếp lại vùng nuôi cá lồng bè, di dời và giải tỏa lồng bè  
dôi dư trên hồ Trị An (giai đoạn 1)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án “Quản lý, sắp xếp, ổn định vùng nuôi cá lồng bè trên hồ Trị An được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 521/TTr-SoNNMT ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt dự án Sắp xếp lại vùng nuôi cá lồng bè, di dời và giải tỏa lồng bè dôi dư trên hồ Trị An (giai đoạn 1).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Dự án sắp xếp lại vùng nuôi cá lồng bè, di dời và giải tỏa lồng bè dôi dư trên hồ Trị An, giai đoạn 1” (Báo cáo kết quả dự án kèm theo) với các nội dung chính như sau:

**1. Tên dự án, địa điểm, quy mô**

a) Tên dự án “Sắp xếp lại vùng nuôi cá lồng bè, di dời và giải tỏa lồng bè dôi dư trên hồ Trị An (giai đoạn 1)”.

b) Chủ đầu tư: Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

c) Địa điểm và quy mô: Toàn bộ khu vực thuộc hồ Trị An.

## 2. Mục tiêu dự án

Bố trí, sắp xếp lại vùng nuôi cá lồng bè trên hồ Trị An, đảm bảo ổn định hoạt động nuôi, đảm bảo chất lượng môi trường và hiệu quả kinh tế, hướng đến mục tiêu nuôi thủy sản bền vững trên lòng hồ Trị An.

## 3. Kết quả Dự án (giai đoạn 1)

**3.1.** Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 6 Điều 1 Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

*“3. Vùng sắp xếp, quản lý nuôi cá bè trên hồ Trị An*

3.1. Quy hoạch sắp xếp các vùng nuôi trên hồ tại thời điểm nước cạn

| Vùng nuôi   | Thuộc khu vực                                                                                               | X (Easting, m)  | Y (Northing, m) |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Vùng nuôi 1 | Áp Vĩnh An 1, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai.                                                                     | 6.428.472.746   | 12.268.986.542  |
|             |                                                                                                             | 6.426.291.374   | 12.262.177.729  |
|             |                                                                                                             | 642.996.171.842 | 12.275.194.533  |
| Vùng nuôi 2 | Áp Mã Đà, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai.                                                                         | 6.426.867.027   | 12.282.609.948  |
|             |                                                                                                             | 643.673.955.599 | 122.870.209.026 |
|             |                                                                                                             | 641.391.495.082 | 122.837.849.542 |
| Vùng nuôi 3 | Khu vực Suối Tượng, ấp Suối Tượng, xã Mã Đà, tỉnh Đồng Nai                                                  | 6.506.612.785   | 12.378.187.155  |
|             |                                                                                                             | 649.832.634.207 | 123.806.160.869 |
|             |                                                                                                             | 651.330.695.079 | 123.730.175.852 |
| Vùng nuôi 4 | Khu vực Ùng Điều thuộc ấp Cây Cầy, xã Phú Lý, tỉnh Đồng Nai                                                 | 6.549.789.660   | 12.402.801.477  |
|             |                                                                                                             | 655.408.978.274 | 124.032.361.508 |
|             |                                                                                                             | 654.557.912.644 | 124.023.387.688 |
| Vùng nuôi 5 | Khu vực Samach - Đồi Tây Ninh ấp 5, xã Thanh Sơn, tỉnh Đồng Nai                                             | 6.569.060.551   | 12.397.669.070  |
|             |                                                                                                             | 656.258.055.520 | 123.978.531.780 |
|             |                                                                                                             | 657.556.848.431 | 123.979.457.946 |
| Vùng nuôi 6 | Khu vực thác Thanh Sơn- Suối Lá, ấp Hòa Thành, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai                                  | 6.628.434.188   | 12.383.520.668  |
|             |                                                                                                             | 661.334.732.896 | 123.913.887.934 |
|             |                                                                                                             | 664.871.894.067 | 123.843.830.620 |
| Vùng nuôi 8 | Khu vực hồ Trị An (từ Suối đôi đến Đồi cá), gồm ấp 5, ấp Bằng Lăng và ấp Vĩnh An, xã La Ngà, tỉnh Đồng Nai. | 656.345.007.398 | 123.897.564.201 |
|             |                                                                                                             | 659.656.274.437 | 123.896.505.865 |
|             |                                                                                                             | 656.576.018.727 | 123.587.909.437 |

|           |                     |                 |                 |
|-----------|---------------------|-----------------|-----------------|
| Vùng nuôi | Suối Dung, xã Thanh | 6.605.163.727   | 12.404.140.404  |
| bổ sung   | Sơn, tỉnh Đồng Nai. | 659.719.230.261 | 124.048.589.653 |
|           |                     | 661.468.813.578 | 124.061.296.255 |

### 3.2. Vùng nuôi đáp ứng những tiêu chí sau:

a) Kích thước lồng bè chuẩn: Kích thước tiêu chuẩn cho một (01) lồng nuôi được quy định là  $6\text{ m} \times 12\text{ m} = 72\text{ m}^2$  diện tích mặt nước, 01 bè kích thước chuẩn  $6\text{ m} \times 10\text{ m} = 60\text{ m}^2$  diện tích mặt nước.

b) Đảm bảo khoảng cách giữa hai cụm bè sắp nối đuôi:  $\geq 200\text{ m}$ .

c) Khoảng cách giữa hai cụm bè xếp song song hoặc xếp so le là  $10\text{ m}$ .

d) Mỗi cụm bè: Có 01 bè và tối đa 06 lồng nuôi cá; chiều dài 01 cụm là  $72\text{ m}$  và diện tích là  $492\text{ m}^2/\text{cụm}$ .

đ) Đảm bảo lộ giới giao thông thủy: Chừa đường giao thông thủy tối thiểu là  $50\text{ m}$ .

e) Đảm bảo lộ giới đường bộ, thủy: Cách cầu ít nhất là  $150\text{ m}$ ; cách bến phà, cầu phao ít nhất là  $150\text{ m}$  ra mỗi phía; và cách kè bảo vệ đường bộ  $20\text{ m}$ .

g) Về chất lượng lồng nuôi: Lồng bè khi vào quy hoạch phải đảm bảo đạt chuẩn về kỹ thuật; khung lồng phải chắc chắn, chịu lực tốt, vật liệu không bị gỉ, ăn mòn, mục nát trong môi trường nước (thường là sắt mạ kẽm, thép không gỉ, nhựa HDPE...); phao nổi phải làm bằng vật liệu bền vững (như nhựa HDPE hoặc thùng nhựa kín), đảm bảo độ nổi ổn định; không sử dụng vật liệu độc hại có thể gây ô nhiễm nguồn nước hoặc ảnh hưởng đến sinh vật nuôi, vật liệu thân thiện với môi trường, khuyến khích đạt chuẩn về kích thước bè  $6\text{ m} \times 10\text{ m}$ , kích thước lồng  $6\text{ m} \times 12\text{ m}$ .

### 3.3. Vùng nuôi công nghệ cao

Căn cứ điều kiện thực tế tại các vùng quy hoạch, đề xuất bố trí một vùng nuôi ứng dụng công nghệ cao với các nội dung chính sau:

a) Vị trí: Lựa chọn khu vực có dòng chảy thông thoáng, xa khu dân cư, không ảnh hưởng đến giao thông thủy và vùng bảo vệ môi trường (Vị trí đề xuất Vùng nuôi 2 hoặc Vùng nuôi 8).

b) Quy mô: Hình thành 2-3 cụm nuôi, mỗi cụm từ 10-20 lồng, kích thước đồng bộ ( $6\text{ m} \times 12\text{ m}$ ), sử dụng hệ thống cho ăn tự động, giám sát môi trường (IoT), phần mềm theo dõi tăng trưởng.

c) Bố trí không gian: Cụm lồng sắp xếp song song theo dòng chảy, khoảng cách giữa các cụm tối thiểu  $200\text{ m}$ , giữa các lồng trong cụm từ  $10\text{ m}$ - $15\text{ m}$ ; có phao định vị và vùng đệm kỹ thuật.

d) Hạ tầng đi kèm: Quy hoạch bến kỹ thuật, nhà điều hành, kho vật tư và trạm giám sát môi trường.

đ) Kỳ vọng: Góp phần nâng cao năng suất  $20\text{--}30\%$ , giảm chi phí nhân công, kiểm soát dịch bệnh tốt hơn và tạo mô hình mẫu để nhân rộng.

### 3.4. Hình thức sắp xếp lồng bè, cụm lồng bè trên sông, hồ

Bố trí sắp xếp đặt bè theo 2 dạng: Sắp xếp so le cùng 01 bên bờ sông/hồ và

sắp xếp song song 02 bên bờ sông/hồ tùy địa hình mỗi vùng. Kích thước bè, lồng khi triển khai sắp xếp thì linh hoạt trong việc bố trí có thể đan xen các cụm bè và số lồng ít (ít hơn 6 lồng) và cụm có số lồng nhiều (nhiều hơn 6 lồng) nhưng vẫn phải đảm bảo 2 cụm liền kề có tổng số lồng là 12 lồng.

6. Lộ trình thực hiện Đề án Quản lý, sắp xếp, ổn định vùng nuôi cá bè trên hồ Trị An từ năm 2026 đến năm 2030”.

### 3.2. Phê duyệt Phương án sắp xếp lại lồng bè khu vực Trị An

- Phạm vi: Khu vực hồ Trị An

- Đối tượng: Các hộ nuôi thủy sản lồng bè trên khu vực hồ Trị An.

- Thời gian: Bố trí sắp xếp quy hoạch triển khai thực hiện đến năm 2030.

- Phương án sắp xếp, di dời

a) Sắp xếp giao mặt nước cho các hộ đủ điều kiện trong vùng quy hoạch

a1. Xác định vị trí, ranh giới các vùng và cấm mốc trên thực địa: Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai thực hiện lên phương án xác định vị trí, ranh giới các vùng và cấm mốc trên thực tế theo tọa độ đã được ban hành.

a2. Thông qua danh sách hộ đủ điều kiện theo tiêu chí và xác định định mức giao mặt nước.

Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai phối hợp với UBND các xã liên quan rà soát, lập danh sách các hộ thuộc diện được giao mặt nước của địa phương, làm cơ sở để định mức phân chia mặt nước theo các tiêu chí:

- Định mức phân chia mặt nước:

+ Phân bổ hộ nuôi: 01 hộ giao 01 bè và trung bình 03 lồng nuôi (tối thiểu 2 lồng nuôi và tối đa 6 lồng nuôi) tương đương tổng trung bình hạn mức diện tích mặt nước giao cho một hộ là:  $492 \text{ m}^2/\text{hộ}$ .

+ Phân bổ diện tích tại các vùng nuôi định hướng phát triển cho các dự án, mô hình nuôi công nghệ cao 2-3 cụm nuôi, mỗi cụm từ 10-20 lồng (kích thước 6 m x 12 m) diện tích không vượt quá  $1.440 \text{ m}^2/\text{cụm}$ .

a3. Phương án phân chia mặt nước theo các vùng:

Căn cứ hiện trạng lồng bè quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ Trị An đã được phê duyệt tại Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, phương án sắp xếp, xử lý lồng bè tại từng vùng nuôi được quy định cụ thể như sau:

| Vùng nuôi   | DT vùng nuôi (ha) | Diện tích lồng và bè ( $\text{m}^2$ ) | Số lồng (lồng) | Số bè (bè) | Số cụm bè bố trí (cụm) | Số hộ phân bổ (hộ) |
|-------------|-------------------|---------------------------------------|----------------|------------|------------------------|--------------------|
| Vùng nuôi 1 | 106 - 115         | 8.832                                 | 96             | 32         | 32                     | 32                 |
| Vùng nuôi 2 | 149 - 161         | 12.420                                | 135            | 45         | 45                     | 45                 |

|                      |               |         |       |     |     |     |
|----------------------|---------------|---------|-------|-----|-----|-----|
| Vùng nuôi<br>3       | 106 - 115     | 8.832   | 96    | 32  | 32  | 32  |
| Vùng nuôi<br>4       | 53 - 57       | 4.416   | 48    | 16  | 16  | 16  |
| Vùng nuôi<br>5       | 93 - 100      | 7.728   | 84    | 28  | 28  | 28  |
| Vùng nuôi<br>6       | 318 - 344     | 26.496  | 288   | 96  | 96  | 96  |
| Vùng nuôi<br>8       | 762 - 825     | 63.480  | 690   | 230 | 230 | 230 |
| Vùng nuôi<br>bổ sung | 50 - 54       | 4.140   | 45    | 15  | 15  | 15  |
| Tổng cộng            | 1.636 – 1.772 | 136.344 | 1.482 | 494 | 494 | 494 |

\* Quy hoạch bố trí bè chỉ áp dụng với những hộ có lồng nuôi cá (nhằm sử dụng chứa nguyên vật liệu, các vật dụng phục vụ hoạt động nuôi).

\*\* Hiện nay trên tổng thể về kích thước lồng và bè toàn vùng chưa đồng đều do đó số hộ, số lồng, số bè phân bổ của mỗi hộ, mỗi cụm hoặc mỗi vùng là dự kiến có thể điều chỉnh tăng giảm theo thực tế. Tuy nhiên vẫn phải đảm bảo về tổng diện tích lồng bè được phân bổ theo từng hộ, từng cụm, từng vùng nuôi.

b) Phương án quản lý, sắp xếp, di dời các hộ nuôi lồng bè

Rà soát sắp xếp chỉ thực hiện rà soát đối với các hộ nuôi đã phát sinh tồn tại trước thời điểm ban hành Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai (theo danh sách thống kê) và các hộ phát sinh sau sẽ không thuộc đối tượng xem xét sắp xếp. Tiêu chí xác định để rà soát đánh giá, phân loại hộ nuôi ở lại, di dời và giải tỏa được quy định xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp như sau:

- Tiêu chí 1: Là hộ có hộ khẩu thường trú tại xã/phường thuộc vùng nuôi hiện trạng.

- Tiêu chí 2: Là hộ có sở hữu hợp pháp về đất ở, nhà ở tại địa phương.

- Tiêu chí 3: Là hộ có lịch sử, thâm niên hoạt động nuôi trồng thủy sản lâu năm tại hồ Trị An.

- Tiêu chí 4: Là hộ có con em trong độ tuổi đi học và đang theo học tại các cơ sở giáo dục của địa phương.

Tiêu chí xem xét bổ sung (áp dụng trong trường hợp cần giảm mật độ lồng bè): Trong trường hợp số hộ đủ điều kiện ở lại theo các tiêu chí ưu tiên (mục 1) vượt quá số lượng cho phép của vùng quy hoạch, sẽ áp dụng các tiêu chí bổ sung để xem xét ưu tiên giữ lại các hộ thuộc các nhóm sau:

- Hộ gia đình chính sách: Bao gồm gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ.

- Hộ thuộc diện bảo trợ xã hội: Bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều hiện hành của địa phương; hộ gia đình neo đơn, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không đủ điều kiện nhân lực để thực hiện di dời.

Danh sách các hộ được giao mặt nước phải được họp, lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, ý kiến của tập thể lãnh đạo Đảng ủy xã, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và sau đó tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

b1. Đối với các hộ đạt tiêu chí được sắp xếp tại vùng quy hoạch cần tuân thủ các nguyên tắc quản lý:

- Theo biến động mực nước hồ vào mùa cạn các lồng/bè phải được di chuyển vào vùng quy hoạch đã chỉ định. Mùa nước dâng: Lồng/bè được phép neo đậu tại các vị trí an toàn trong quy hoạch, tránh ảnh hưởng gió, bão. Việc di chuyển lồng/bè do người nuôi tự thực hiện và tự đảm bảo an toàn cũng như trách nhiệm đối với tài sản của mình.

- Diện tích tổng lồng bè nuôi không vượt quá giới hạn cho phép của vùng quy hoạch; số lượng và quy cách lồng nuôi phải đúng quy định; có phương án quản lý môi trường, xử lý chất thải, phòng ngừa dịch bệnh theo yêu cầu.

- Xử lý vi phạm các lồng/bè không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, neo đậu sai vị trí, dùng vật liệu không đảm bảo hoặc không nằm trong quy hoạch sẽ thuộc diện bắt buộc di dời, giải tỏa và xử lý theo quy định của pháp luật.

b2. Đối với các hộ không đạt tiêu chí thuộc vùng nuôi đang hiện hữu sẽ được xem xét ưu tiên di dời trở về khu vực vùng nuôi theo địa chỉ thường trú nếu vùng nuôi này còn vị trí sắp xếp.

b3. Đối với các hộ có bè chỉ sử dụng để ở không có hoạt động nuôi không thuộc đối tượng của Dự án.

#### c) Tổ chức thực hiện

##### c1. Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai:

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường cùng các sở, ban, ngành liên quan để công bố quy hoạch, triển khai và xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung của dự án; xây dựng và đề xuất tham mưu ban hành Quy chế phối hợp triển khai thực hiện phương án đã được phê duyệt tập trung vào các nội dung: Tăng cường tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia thực hiện quy hoạch theo phương án sắp xếp;

- Chủ trì, thực hiện kiểm kê, cập nhật đầy đủ số lượng, vị trí lồng bè để phục vụ công tác quy hoạch, quản lý và giám sát; ứng dụng công nghệ số trong quản lý dữ liệu và giám sát trực tuyến; phối hợp rà soát đánh giá và xác định hộ ở lại, di dời, giải tỏa; thực hiện sắp xếp, di dời và giải tỏa lồng bè theo phương án đề xuất; thực hiện cắm mốc hoặc biển báo vùng nuôi, cấp mã số bè, lồng và quản lý hoạt động nuôi lồng bè theo quy định; hoàn toàn chịu trách nhiệm về

tính chính xác, đầy đủ về số liệu, danh sách hộ dân và tính khả thi của các phương án đề xuất triển khai thực hiện tại dự án.

- Tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động nuôi trồng thủy sản trên hồ Trị An, bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật; quản lý hoạt động xả thải, vệ sinh môi trường hồ.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương đánh giá điều kiện nuôi trồng thủy sản theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng định mức phí thuê mặt nước hồ Trị An; hướng dẫn các hộ nuôi cá lồng bè đăng ký hoạt động theo Luật Thủy sản.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu ưu tiên phân bổ diện tích, cơ sở hạ tầng, nghiên cứu các chính sách hỗ trợ người nuôi để triển khai thí điểm mô hình thí điểm nuôi công nghệ cao. Trên cơ sở đó rà soát khuyến khích các hộ nuôi chuyển đổi nâng cấp hoặc kêu gọi thu hút tổ chức, doanh nghiệp đầu tư mô hình thí điểm nuôi công nghệ cao trên hồ.

- Nghiên cứu rà soát nội dung kết quả dự án và báo cáo đề xuất UBND tỉnh chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện địa phương nhằm thúc đẩy quá trình sắp xếp, di dời các lồng bè tại khu vực hồ Trị An.

## c2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn quy trình sản xuất an toàn, kiểm soát dịch bệnh; giám sát chất lượng môi trường nước nhất là các khu đầu nguồn của các vùng nuôi cá lồng bè tập trung, kịp thời cảnh báo và hướng dẫn biện pháp ứng phó khi có biến động môi trường, dịch bệnh trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp;

- Phối hợp với Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai triển khai sắp xếp, di dời, giải tỏa sau khi Dự án được phê duyệt và phối hợp xây dựng chính sách hỗ trợ cho các hộ thuộc diện giải tỏa, di dời (nếu có).

## c3. Các Sở, ngành liên quan:

- Sở Tài chính: Sau khi kết quả thực hiện dự án được phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành và UBND các xã về bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của dự án; căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí các nguồn vốn phù hợp để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ theo dự án đề xuất trong dự toán thu chi của Ngân sách hàng năm của tỉnh.

- Sở Xây dựng: Trên cơ sở đề xuất của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, phối hợp hướng dẫn trong việc xác định tọa độ vị trí, quy cách kỹ thuật cắm mốc vùng nuôi cá lồng bè, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Công an tỉnh: Phối hợp, hỗ trợ chỉ đạo, điều phối lực lượng công an các cấp để bảo đảm an ninh, trật tự trong suốt quá trình triển khai Dự án, đặc biệt

khi thực hiện di dời, giải tỏa lồng bè quy mô lớn; phối hợp với các sở, ngành liên quan trong thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về môi trường, khai thác, nuôi trồng, vận chuyển và tiêu thụ thủy sản trái phép; triển khai các biện pháp nghiệp vụ phòng chống tội phạm, ngăn chặn các hành vi tiêu cực gây ảnh hưởng đến an toàn sinh thái hồ; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở phạm vi toàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp; rà soát và giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho những hồ dân di cư tự do từ Campuchia về sinh sống trên các bè trên hồ.

- Các Sở, ngành liên quan khác căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hỗ trợ thực hiện các nội dung dự án có liên quan.

c4. UBND các xã: Trị An, Phú Lý, Định Quán, La Ngà, Thanh Sơn, Bàu Hàm, Thống Nhất và các địa phương liên quan:

- Các địa phương chủ động phối hợp với Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai triển khai và cụ thể hóa thực hiện các nhiệm vụ dự án thuộc phạm vi chức năng quản lý trên địa bàn xã quản lý, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng lộ trình, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến đời sống người dân.

- Bố trí cán bộ chuyên trách thủy sản để hướng dẫn, hỗ trợ người dân; phối hợp với các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng.

- Triển khai thực hiện các nội dung: (1) Rà soát, thống kê hiện trạng, xác định khu vực cần giải tỏa, xây dựng phương án chi tiết; (2) Tổ chức đối thoại, công bố kế hoạch, hỗ trợ người dân tìm kiếm sinh kế thay thế và áp dụng mô hình sản xuất hiệu quả, bền vững; (3) Tiến hành giải tỏa, sắp xếp theo quy hoạch, đồng thời triển khai các biện pháp hỗ trợ chuyển đổi sản xuất.

- Phối hợp với Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai và Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi trồng, đảm bảo tuân thủ quy định về môi trường và an toàn sinh thái; tăng cường giám sát môi trường, kiểm soát dịch bệnh, khuyến khích hộ nuôi áp dụng VietGAP, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tham gia liên kết chuỗi giá trị nhằm nâng cao chất lượng, giá trị thương mại sản phẩm.

- Thực hiện công tác tiếp dân, hòa giải và giải quyết kịp thời khiếu nại, mâu thuẫn phát sinh trong quá trình di dời, giải tỏa; lồng ghép việc hỗ trợ chuyển đổi nghề với các chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Chủ động phối hợp cùng Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Công an tỉnh rà soát các hộ dân từ Campuchia trở về sinh sống trên các bè phát sinh mới không nuôi cá, không có hộ khẩu, hộ tịch, tham mưu đề xuất UBND tỉnh các giải pháp về hỗ trợ chính sách an sinh xã hội, di dời giải tỏa nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trên hồ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Xây

dựng, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Trị An, Định Quán, La Ngà, Thanh Sơn, Phú Lý, Thống Nhất, Bàu Hàm; Giám đốc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; Công ty Thủy điện Trị An; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Qđpheduyetdean/18.12-1229)



**Nguyễn Thị Hoàng**

